

CÔNG TY CỔ PHẦN BLT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BLT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLT VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BLT VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0108780926

3. Ngày thành lập: 13/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 16, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439461080

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
4.	Thu gom rác thải độc hại	3812
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
6.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
9.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
11.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
12.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
15.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
16.	In ấn	1811
17.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

24.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
25.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
26.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
27.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
28.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
29.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
30.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
31.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
32.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
33.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
34.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
35.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
36.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
37.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

60.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động của các đấu giá viên) - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
62.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
70.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
71.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
72.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
73.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn các sản phẩm hóa dầu.	4669
74.	Bán buôn tổng hợp	4690
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
76.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
77.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
78.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
79.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
80.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
81.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
83.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
89.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ các sản phẩm hóa dầu.	4773
90.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua Internet)	4791
91.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
92.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
93.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
96.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
97.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
99.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (trừ quặng kim loại quý hiếm)	0721
100.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
101.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
102.	Khai thác và thu gom than non	0520
103.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990

105.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
106.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
107.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
108.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
109.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
110.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
111.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
112.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
113.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
114.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
115.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
116.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
117.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Môi giới bất động sản - Quản lý bất động sản	6820
118.	Đại lý du lịch	7911
119.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
120.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
121.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
122.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
123.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
124.	Xuất bản phần mềm	5820
125.	Lập trình máy vi tính	6201
126.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
127.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
128.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
129.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312

130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN BATECO VIỆT NAM	Tổ 16, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	54,000	0105992880	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	54,000		
2	ĐUỜNG THỊ TÂN	1B, tổ 65B ngõ Trại Cá, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	290.000	2.900.000.000	29,000	026181000080	
			Tổng số	290.000	2.900.000.000	29,000		
3	VĂN MINH THỨC	Thôn Đại Tự 3, Xã Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	17,000	026081000212	
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	17,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 30/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036082004159

Ngày cấp: 05/10/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 201-NOCT, nhà C, tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 3606, tòa nhà A2, Khu đô thị Vinhomes Gardenia đường Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội